TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/HNGĐ - ST
Ngày 13 - 5 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đỗ Quỳnh.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Văn Khiếu;
2. Ông Nguyễn Ngọc Minh.

Thư ký phiên toà: Ông Trần Mạnh Hùng, Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham T phiên tòa: không.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên T hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 25/2025/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số 03/2025/TB-TA ngày 06 tháng 05 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Bàn Thị T**, sinh năm 1993.
Địa chỉ: Thôn GS, xã TT, huyện LY, tỉnh YB; Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
2. Bị đơn: **Anh Thiều Văn T,** sinh năm 1990.
Địa chỉ: Thôn GS, xã TT, huyện LY, tỉnh YB; Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 02 năm 2025 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Bàn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Trung Tâm, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái ngày 16 tháng 5 năm 2016. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, khi mâu thuẫn xảy ra có được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng số

ly thân từ năm 2022 đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thiều Văn T.

Về con chung: Chị T và anh T có hai con chung Thiều T Hùng, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2010 và Thiều Xuân Tứ, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2012 hiện các con chung đang ở cùng anh T tại G, xã TT, huyện LY sau khi ly hôn chị T có quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Thiều Xuân T, anh T nuôi dưỡng Thiều T H, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ hôn nhân: Tại bản tự khai ngày 06 tháng 5 năm 2025 anh T thống nhất với chị T về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị T trình bày. Anh và chị T chung sống hoà thuận thời gian đầu, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hoà giải nhưng không có kết quả. Hiện vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh T và chị T có hai con chung Thiều T Hùng, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2010 và Thiều Xuân Tứ, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2012 hiện các con chung đang ở cùng anh T tại GS, xã TT, huyện LY sau khi ly hôn chị T có quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Thiều Xuân T, anh T nuôi dưỡng Thiều T H, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh T đồng ý.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án thụ lý và giải quyết vụ án xác định mối quan hệ pháp luật vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo đơn khởi kiện của chị Bàn Thị T, do bị đơn anh T có hộ khẩu thường trú tại Thôn GS, xã TT, huyện LY, tỉnh YB. Căn cứ quan hệ pháp luật và thẩm quyền theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái có thẩm quyền giải quyết.

Tại phiên tòa chị T, anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự T hành xét xử vắng mặt các dương sự.

[2] Đối với quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị T, anh Thiều Văn T kết hôn ngày 16 tháng 5 năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Tâm, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định tại Điều 8, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong vụ án này qua lời khai của chị T năm 2022 chị T, anh T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 *" Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*. Trên thực tế vợ chồng chị T, anh T thường xảy ra mâu thuẫn là đúng thực tế, phù hợp với xác nhận ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Trung Tâm, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T, anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc khác anh T đồng ý ly hôn với chị T, do đó Hội đồng xét xử, xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị T được ly hôn với anh Thiều Văn T.

[3] Về con chung: Chị T, anh T có hai con chung Thiều T H, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2010 và Thiều Xuân T, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2012, hiện hai con chung đang ở với anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của chị T, anh T được trực tiếp nuôi con là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Cháu Tứ có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu Hùng có nguyện vọng ở với bố. Hiện chị T, anh T có chỗ ở và thu nhập ổn định đảm bảo cho việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống sinh hoạt, học tập. Căn cứ vào quy định của các Điều 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị T, cũng như ý kiến của anh T, giao Thiều Xuân T, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2012 cho chị T nuôi dưỡng. Giao Thiều T H, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2010 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi là phù hợp. Chị T, anh T không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Bàn Thị T, anh Thiều Văn T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị T được ly hôn với anh Thiều Văn T.

2- Về con chung: Giao cháu Thiều Xuân T, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2012 chị Bàn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi; Giao cháu Thiều T H, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2010 cho anh Thiều Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi; chị Bàn Thị T, anh Thiều Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Bàn Thị T, anh Thiều Văn T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về án phí: Chị Bàn Thị T phải nộp 75.000,đ *(Bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000,đ *(Ba trăm nghìn đồng chẵn)* theo biên lai số: AA/2023/0001992 ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái, chị T được trả lại 225.000,đ *(Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí đã tạm ứng.* Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Thiều Văn T phải nộp 75.000,đ *(Bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn)* án phí dân sự sơ thẩm.

4- Về quyền kháng cáo: Chị Bàn Thị T và anh Thiều Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai.

5- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*/.*

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- Thi hành án dân sự Huyện;
- UBND xã TT;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đỗ Quỳnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đỗ Quỳnh

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- Thi hành án dân sự Huyện;
- UBND xã Trung Tâm;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đỗ Quỳnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đỗ Quỳnh

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- Thi hành án dân sự Huyện;
- UBND xã Trúc Lâu;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Nguyễn Đỗ Quỳnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đỗ Quỳnh